

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/DS-ST

Ngày: 08-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;

- Bà Nguyễn Thị Kim Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm V**, sinh năm 1976; cư trú tại: Số A/B, Khu phố A, Phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Hoàng A**, sinh năm 1964; cư trú tại: B, Tổ C, Khu D, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 12-6-2019; (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông **Phan Văn C**, sinh năm 1968; (Vắng mặt)

2. Bà **Lương Thị C**, sinh năm 1968; (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp HT, xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Hoàng A trình bày: Do có quen biết với

nhau nên ông Phan Văn C và bà Lương Thị C có vay tiền của chị Nguyễn Thị Cẩm V để làm vốn đi làm ăn. Cụ thể, như sau:

- Ngày 14-02-2018, vay 400.000.000 đồng, có lập biên nhận do ông C đại diện ký tên và hẹn chậm nhất là ngày 14-3-2018 sẽ trả.

- Ngày 28-01-2019, vay số tiền 200.000.000 đồng, có lập biên nhận và ông C, bà C cùng ký tên, hẹn chậm nhất là ngày 28-3-2019 sẽ trả.

- Ngày 04-02-2019, vay số tiền 20.000.000 đồng, có lập biên nhận và bà C ký tên, hẹn chậm nhất là ngày 24-02-2019 sẽ trả.

Trong các giấy nhận tiền đều không có thỏa thuận lãi suất, có anh Võ Trung T là người làm chứng.

Đến thời điểm trả nợ theo các giấy nhận nợ nhưng ông C, bà C không trả. Do đó, nay chị V yêu cầu ông C, bà C phải trả số nợ vốn cho chị là 620.000.000 đồng và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn, ông Phan Văn C, bà Lương Thị C, dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa,

- Ông Lê Hoàng A là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đòi ông Phan Văn C, bà Lương Thị C phải trả số tiền vốn là 620.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày đến hạn trả nợ mà bị đơn không trả đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nếu tính tiền lãi là số tiền lẻ thì đồng ý lấy tròn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Cẩm V khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn C và bà Lương Thị C phải trả cho chị số tiền vay 620.000.000 đồng và tiền lãi nên căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại ấp HT, xã NH, huyện C nên thẩm

quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, bà Lương Thị C, ông Phan Văn C không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa chị Nguyễn Thị Cẩm V và ông Phan Văn C, bà Lương Thị C có phát sinh giao dịch vay tài sản với tổng số tiền 620.000.000 đồng, được thể hiện qua 02 giấy nhận nợ ngày 14-02-2018, ngày 28-01-2019 và 01 biên nhận ngày 04-02-2019 như phía nguyên đơn trình bày. Tại Kết luận giám định số 232/C09-P5 ngày 30-8-2019 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an ngày 30-8-2019 kết luận chữ ký của ông C, bà C trong giấy nhận nợ và biên nhận nêu trên so với các chữ ký mẫu của ông C, bà C được thu thập là do cùng một người ký ra. Anh Võ Trung T, cư trú tại ấp PT, xã LK, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là người chứng kiến, có ký tên vào giấy nhận nợ và biên nhận cũng xác nhận việc vay tiền giữa hai bên là có, ông C, bà C có nhận số tiền 620.000.000 đồng từ chị V. Ông C, bà C dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì thể hiện có trả lại tiền cho chị V là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định ông C, bà C có vay của chị V số tiền 620.000.000 đồng chưa trả nên chị V khởi kiện đòi lại là có cơ sở.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong các giấy nhận nợ, biên nhận đều không có thể hiện lãi suất nên ông Lê Hoàng A là đại diện theo ủy quyền của chị V yêu cầu tính lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 10%/năm là phù hợp. Số tiền lãi tổng cộng là 79.757.500 đồng (lấy tròn). Như vậy, tổng cộng tiền lãi, tiền vốn mà ông C, bà C phải trả cho chị V là 699.757.500 đồng.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị V không phải chịu án phí, chị V được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Ông C, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và chi phí giám định theo

quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và lời trình bày của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 161, Điều 162, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm V.

Buộc ông Phan Văn C và bà Lương Thị C có nghĩa vụ liên đới trả một lần cho chị Nguyễn Thị Cẩm V số tiền 699.757.500 (Sáu trăm chín mươi chín triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng. Trong đó nợ gốc là 620.000.000 (Sáu trăm hai mươi triệu) đồng và nợ lãi là 79.757.500 (Bảy mươi chín triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Cẩm V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 14.966.600 (Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16799 ngày 18-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy. Ông Phan Văn C và bà Lương Thị C phải chịu 31.990.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông C, bà C phải chịu 5.000.000 (Năm triệu) đồng chi phí giám định. Chị V đã nộp tạm ứng chi phí nên ông C, bà C có nghĩa vụ hoàn trả cho chị V số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Chị Nguyễn Thị Cẩm V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của ông Phan Văn C và bà Lương Thị C là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực